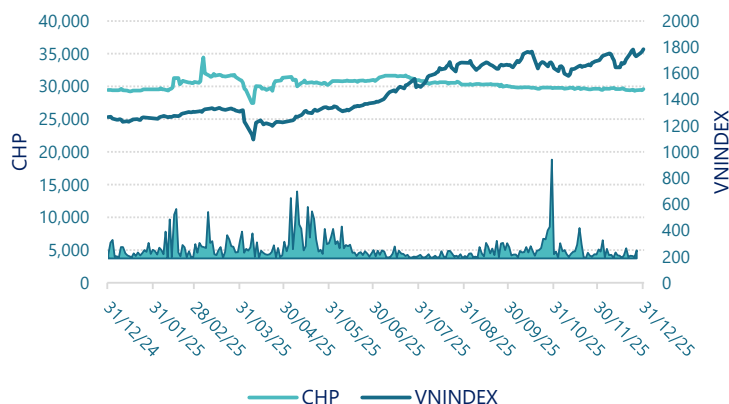


CTCP Thủy điện Miền Trung (HSX: CHP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	29,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,436
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	27,463
SL cổ phiếu LH	157,658,076
KLGD BQ 20 phiên (CP)	21,605
% sở hữu nước ngoài	0.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,667
P/E	10.1
EPS	2,918

DT thuần

Q4/25

334

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 140 | 72.1%

YoY: ▼20.0 | -5.7%

LN sau thuế

Q4/25

157

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 78.9 | 101%

YoY: ▼30.0 | -15.9%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

52.4%

+/- YoY: ▲ 4.9%

DT thuần

2025

999

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 185 | 22.7%

LN sau thuế

2025

460

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 146 | 46.6%

ROE

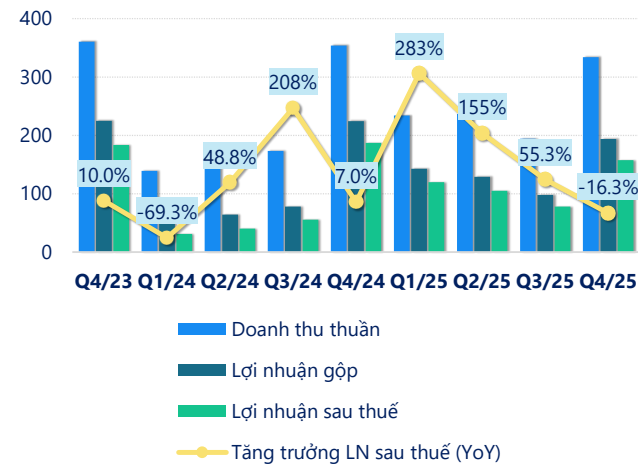
2025

22.5%

+/- YoY: ▲ 6.5%

tỷ VNĐ

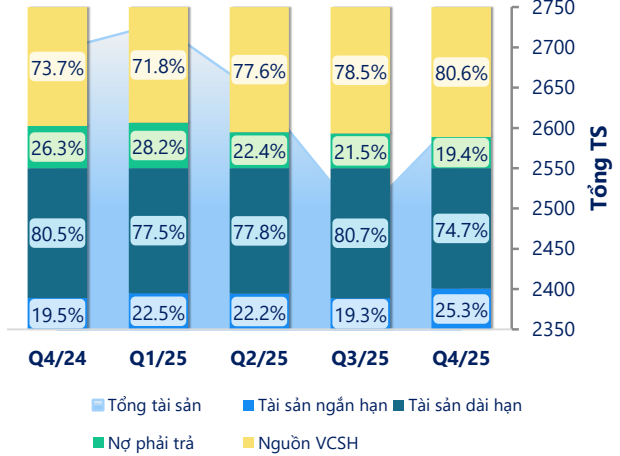
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

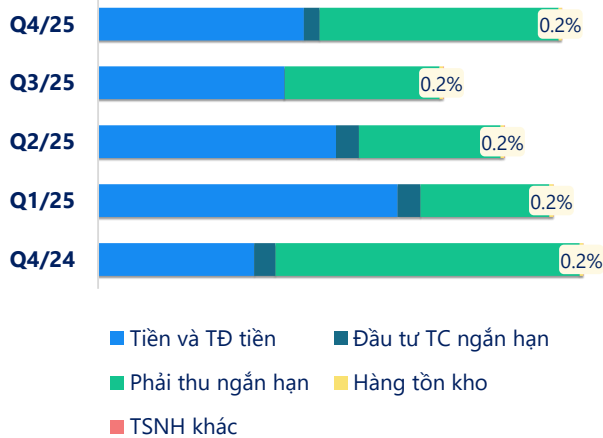
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



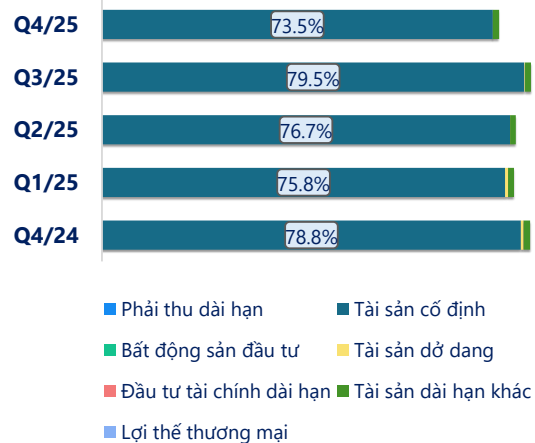
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

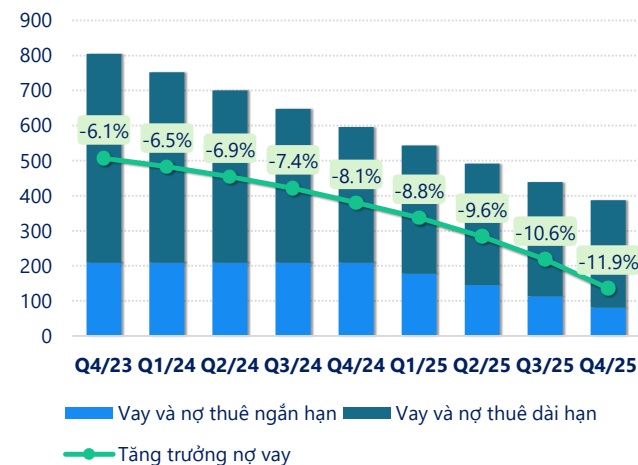
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

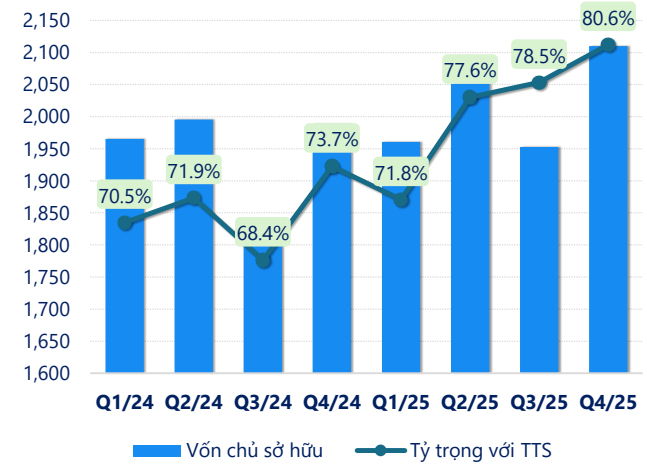
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

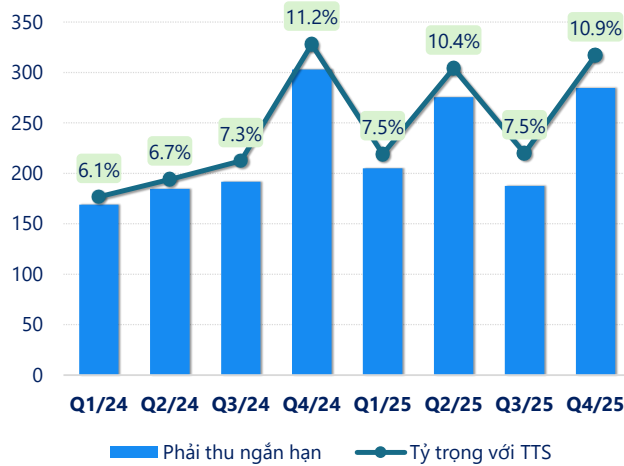
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



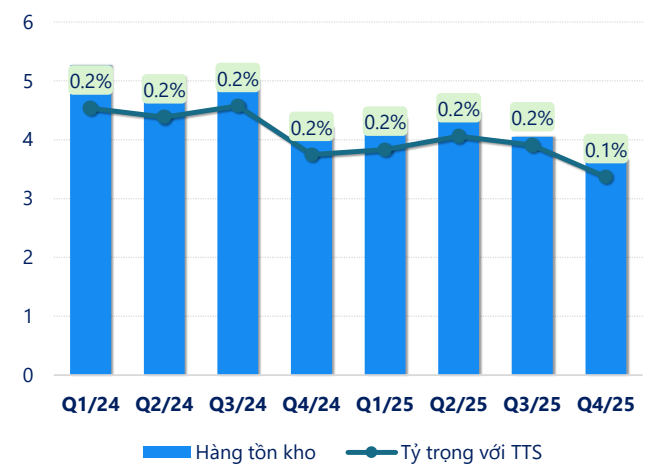
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


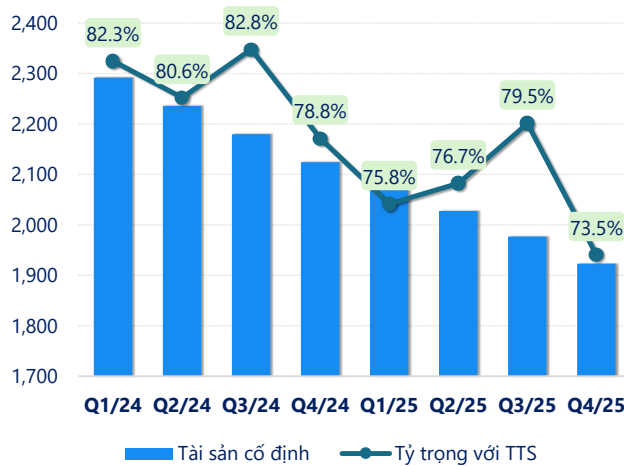
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


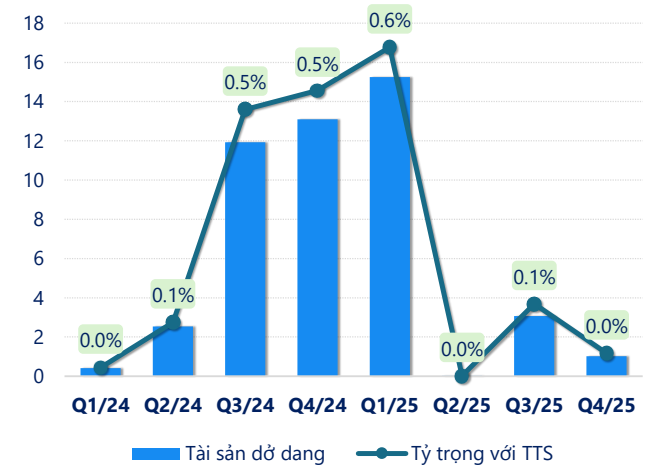
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

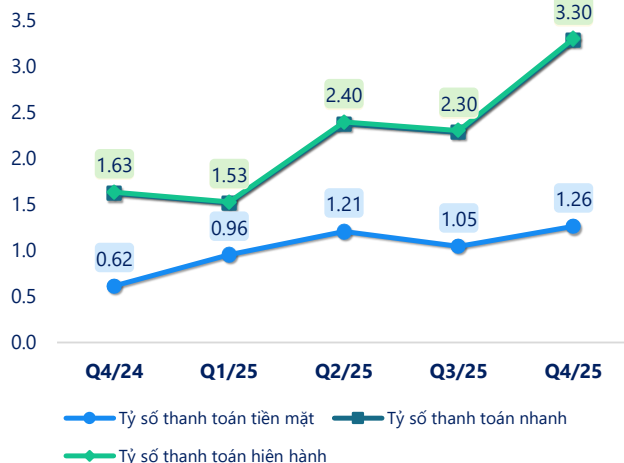
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

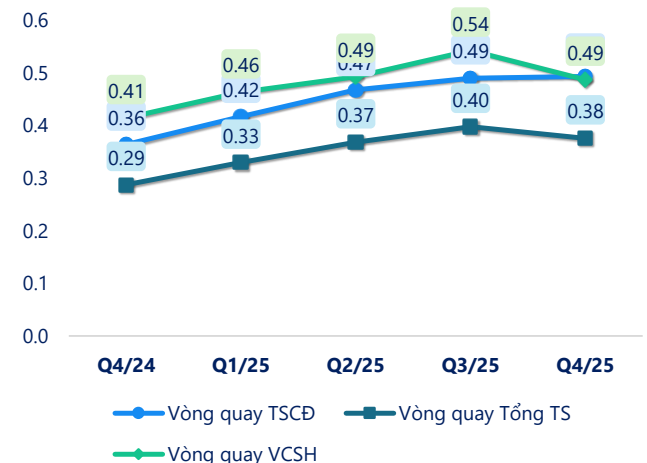
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	2,696	2,729	2,642	2,488	2,617
Tài sản ngắn hạn	525	615	586	481	662
Tiền và tương đương tiền	198	384	295	218	253
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	20.0	10.0	70.1	120
Phải thu ngắn hạn	303	205	275	188	285
Hàng tồn kho	4.21	4.36	4.47	4.05	3.67
Tài sản ngắn hạn khác	0.36	0.87	0.76	0.51	0.89
Tài sản dài hạn	2,171	2,115	2,056	2,008	1,954
Phải thu dài hạn	0.12	0.12	0	0	0
Tài sản cố định	2,124	2,069	2,027	1,977	1,923
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	13.1	15.3	0.02	3.06	1.02
Đầu tư tài chính dài hạn	0.13	0.13	0.13	0	0
Tài sản dài hạn khác	33.3	29.9	28.1	27.4	30.1
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	708	769	591	535	507
Nợ ngắn hạn	322	402	245	209	200
Vay và nợ thuê ngắn hạn	209	177	145	113	80.5
Phải trả người bán ngắn hạn	23.6	22.2	20.8	21.1	21.1
Nợ dài hạn	387	366	346	327	307
Vay và nợ thuê dài hạn	387	366	346	327	307
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,988	1,960	2,051	1,953	2,110
Vốn chủ sở hữu	1,988	1,960	2,051	1,953	2,110
Vốn điều lệ	1,469	1,469	1,469	1,469	1,577
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)